**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 2 NĂM HỌC 2022 – 2023**

**ĐỀ THAM KHẢO**

 **MÔN: HÓA HỌC – LỚP: 8**

 *(Thời gian làm bài: 45 phút)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung chuẩn kiến thức, kỹ năng** | **Mức độ nhận biết** | **Cộng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng ở mức cao hơn** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **Chủ đề 1**: **Oxi - không khí** | - Chỉ ra tính chất vật lý, tính chất hóa học của oxi.- Chỉ ra thành phần của không khí. - Chỉ ra điều chế khí oxi trong phòng thí nghiệm. | - Phân loại và gọi tên oxit. |  |  |  |
| **Số câu hỏi**  | **4** |  |  | **1** |  |  |  |  | **5** |
| **Số điểm*****Tỉ lệ %*** | **2****20%** |  |  | **1****10%** |  |  |  |  | **3****30%** |
| **Chủ đề 2: Hiđro - Nước** |  | - Viết PTHH minh họa tính chất hóa học của nước. | -Bài tập tính theo PTHH có liên quan hiđro. | - Bài tập định lượng với số gam chất dư. |  |
| **Số câu hỏi**  |  |  |  | **1** |  | **1** |  | **1** | **3** |
| **Số điểm*****Tỉ lệ %*** |  |  |  | **1****10%** |  | **2****20%** |  | **1****10%** | **4****40%** |
| **Chủ đề 3. Dung dịch** | - Chỉ ra công thức tính nồng độ mol.- Nhận ra khái niệm dung dịch. - Nhận ra khái niệm nồng độ dung dịch và chỉ ra công thức tính nồng độ phần trăm.  | -Tính nồng độ dung dịch (C%) theo công thức đã học. |  |  |  |
| **Số câu hỏi**  | **2** | **1** |  | **1** |  |  |  |  | **4** |
| **Số điểm*****Tỉ lệ %*** | **1****10%** | **1****10%** |  | **1****10%** |  |  |  |  | **3****30%** |
| **Tổng Số câu hỏi**  | **6** | **1** |  | **3** |  | **1** |  | **1** | **12** |
| **Tổng Số điểm*****Tỉ lệ %*** | **4,0 đ****4%** | **3,0 đ****30%** | **2,0 đ****20 %** | **1,0 đ****10%** | **10 đ****100%** |

**ĐỀ THAM KHẢO**

 **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 2 NĂM HỌC 2022 – 2023**

**MÔN: HÓA HỌC – LỚP: 8**

*(Thời gian làm bài: 45 phút)*

**I. TRẮC NGHIỆM: ( 3,0 điểm)**

**Chọn đáp án đúng trong các câu sau đây, mỗi câu đúng đạt 0,5 điểm.**

**Câu 1:** Trong các công thức sau, công thức tính nồng độ mol của dung dịch là

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 2:** Điền từ còn thiếu vào chỗ có số **(1); (2)**: “Khí oxi là một đơn chất…**(1)**……rất hoạt động. Oxi có thể phản ứng với nhiều phi kim, kim loại, …**(2)**….

**A.** (1) phi kim (2) hợp chất. **B.** (1) kim loại (2) hợp chất.

**C.** (1) kim loại (2) đơn chất.  **D.** (1) phi kim (2) đơn chất.

**Câu 3:** Thành phần theo thể tích của không khí là

**A.** 21% khí nitơ, 78% khí oxi, 1% các khí khác ( CO2, CO, khí hiếm….).

**B.** 21% các khí khác, 78% khí nitơ, 1% khí oxi.

**C.** 21% khí oxi, 78% khí nitơ, 1% các khí khác ( CO2, CO, khí hiếm….).

**D.** 21% khí oxi, 78% các khí khác, 1% khí nitơ.

**Câu 4:** Trong phòng thí nghiệm, những chất dùng để điều chế khí oxi là

**A.** H2O và KClO3. **B.** CaCO3 và KMnO4.  **C.** KClO3 và KMnO4.  **D.** H2O và CaCO3.

**Câu 5:** Trong các phát biểu dưới đây, phát biểu nào sau đây là đúng?

**A.** Oxilà chất khí không màu, không mùi, ít tan trong nước, nặng hơn không khí, hóa lỏng ở -183 0C.

**B.** Oxi là chất khí không màu, không mùi, ít tan trong nước, nhẹ hơn không khí, hóa lỏng ở -183 0C.

**C.** Oxit là hợp chất của ba nguyên tố, trong đó có một nguyên tố là oxi.

**D.** Oxitlà hợp chất của hai nguyên tố, trong đó có một nguyên tố là hiđro.

**Câu 6:** Dung dịch là hỗn hợp:

**A.** của chất rắn trong chất lỏng. **B.** của chất khí trong chất lỏng.

**C.** đồng nhất của chất rắn và dung môi. **D.** đồng nhất của dung môi và chất tan.

**II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)**

**Câu 1**: (2,0 điểm) a. Thế nào là nồng độ phần trăm của dung dịch? Viết công thức tính nồng độ phần trăm của dung dịch. (1,0 điểm).

b. Hòa tan 15 gam đường vào 45 gam nước. Tính nồng độ phần trăm của dung dịch. (1,0 điểm).

**Câu 2:** (2,0 điểm) a. Phân loại và gọi tên các oxit sau: CO2; Fe3O4; P2O5; K2O. (1,0 điểm).

b. Cho các chất sau: Na; CaO; SO3; MgO. Chất nào tác dụng được với nước? Viết phương trình hóa học minh họa. (1,0 điểm).

**Câu 3:** (3,0 điểm) Cho 9,75 gam kẽm phản ứng hoàn toàn với dung dịch axit clohiđric.

a. Tính thể tích khí hiđro sinh ra ở (đktc). (1,0 điểm)

b. Tính khối lượng muối tạo thành sau phản ứng. (1,0 điểm)

c. Nếu dùng toàn bộ lượng khí hiđro bay ra ở trên đem khử 32 gam sắt (III) oxit ở nhiệt độ cao thì chất nào còn dư và dư bao nhêu gam? (1,0 điểm)

 **Cho: Zn = 65; H = 1; Cl = 35,5; O = 16; Fe =56.**

------------------Hết------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. TRẮC NGHIỆM: ( 3,0 điểm)** |  |
|  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Đáp án | B | A | C | C | A | D |

*(Mỗi câu đúng được 0,5 điểm)* |  |
| **II. TỰ LUẬN: ( 7,0 điểm)** |  |
| ***Câu 1******( 2,0 điểm)*** | a. Nồng độ phần trăm (kí hiệu là C%) của một dung dịch cho ta biết số gam chất tan có trong 100 gam dung dịch.Công thức:  trong đó: mct: khối lượng chất tan (g). mdd: khối lượng dung dịch (g). C%: nồng độ phần trăm (%). b. mdd = 15 + 45 =60 (g).Nồng độ phần trăm của dung dịch đường:=  = 25% | 0,5 đ0,5đ0,5đ0,5 đ |
| ***Câu 2******( 2,0 điểm)*** | a. \* Oxit axit: CO2: cacbon đioxit. P2O5: điphotpho pentaoxit.\* Oxit bazơ:Fe3O4: oxit sắt từ.K2O: kali oxit.b. Những chất tác dụng được với nước là Na; CaO; SO3. 2Na + 2H2O ⭢ 2NaOH + H2 CaO + H2O ⭢ Ca(OH)2 SO3 + H2O ⭢ H2SO4 | 0,25 đ0,25 đ0,25 đ0,25 đ0,25 đ0,25 đ0,25 đ0,25 đ |
| ***Câu 3******( 3,0 điểm)*** |  PTHH: Zn + 2 HCl ZnCl2 + H2 0,15 mol 0,3 mol 0,15 mol 0,15 mola. Thể tích khí hiđro:  b. Khối lượng muối tạo thành: **c.**  3H2 + Fe2O3  2Fe + 3H2O0,15 0,2 molLập tỉ số: Vậy Fe2O3 dư.3H2 + Fe2O3  2Fe + 3H2O0,15 0,05 molKhối lượng sắt (III) oxit dư:**( HS giải cách khác đúng vẫn tròn điểm)** | 0,5 đ0,5 đ0,5 đ0,5 đ0,25 đ0,25 đ0,25 đ0,25 đ |